

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh
Nguyễn Đức Q.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quỳ

2. Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hạnh – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 486/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983; CCCD: 036183003xxx; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 255 đường B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 255 đường B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1983; CCCD: 036083004xxx; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 255 đường B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 29/80 đường K, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị H có mặt, anh Q vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 04-11-2024, bản tự khai ngày 13-12-2024, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định vào ngày 29-4-2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Nguyễn Đức Q không chung thủy. Chị đã nói chuyện mong anh Q thay đổi nhưng không có kết quả nên từ tháng 2-2019 anh chị sống ly thân mỗi người một nơi. Đến tháng 8-2019 chị vì con nên quay lại chung sống với anh Q nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp, anh Q vẫn không thay đổi và không có trách nhiệm với gia đình. Hiện tại anh chị sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm tới nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Đức Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 14-03-2007, Nguyễn Huyền A1, sinh ngày 20-3-2014 và Nguyễn Ngọc Bảo H1, sinh ngày 10-10-2018. Quan điểm của chị xin được nuôi dưỡng cả ba con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: chị và anh Q tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn là anh Nguyễn Đức Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.*

3. *Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-12-2024 cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 14-3-2007, số CCCD: 036207016xxx trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố, cháu Nguyễn Huyền A1 trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.*

4. *Tại đơn đề nghị của chị Nguyễn Thị Thu H có xác nhận của tổ dân phố nơi chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức Q đăng ký thường trú xác nhận: chị H và anh Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định vào ngày 29-4-2011. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị có 3 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 14-03-2007, Nguyễn Huyền A1, sinh ngày 20-3-2014 và Nguyễn Ngọc Bảo H1, sinh ngày 10-10-2018.*

5. *Kết quả thu thập chứng cứ tại tổ dân phố số 5 phường Trường Thi, thành phố Nam Định xác định: Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1983 có thuê nhà tại địa chỉ số 29 ngõ 80 đường K, phường t, thành phố Nam Định sống cùng con trai là*

Nguyễn Đức Anh, sinh năm 2007. Do anh Q mới chuyển đến nên địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Đức Q và chị Nguyễn Thị Thu H.

6. *Tại phiên tòa:* chị H trình bày chị và anh Q tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán từ năm 2006 và sinh con chung là Nguyễn Đức A vào năm 2007 nhưng đến năm 2011 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định. Chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đức Q vì vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân không còn quan tâm tới nhau. Về con chung: do cháu Nguyễn Đức A có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn nên chị tôn trọng quan điểm của con, giao con chung là Nguyễn Đức A cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng còn chị trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Huyền A1 và Nguyễn Ngọc Bảo H1. Về cấp dưỡng nuôi con: chị vẫn giữ quan điểm tự thỏa thuận với anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

7. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức Q. Về con chung: Căn cứ các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 14-03-2007; giới tính: nam cho anh Nguyễn Đức Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Huyền A1, sinh ngày 20-3-2014, giới tính: nữ và Nguyễn Ngọc Bảo H1, sinh ngày 10-10-2018; giới tính: nữ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: chị H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Đức Q đã được tổng đạt hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định ngày 29-4-2011 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không chung thủy. Chị đã nói chuyện mong anh Q thay đổi nhưng không có kết quả nên từ tháng 2-2019 anh chị sống ly thân mỗi người một nơi. Đến tháng 8-2019 chị quay lại chung sống với anh Q nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp, anh Q vẫn không thay đổi và không có trách nhiệm với gia đình. Hiện nay anh chị đã ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm tới nhau. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác định tại địa chỉ số 29/80 đường K, phường T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định chỉ có mình anh Q sống cùng với cháu Nguyễn Đức A. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn với anh Q.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức Q.

2.2 Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức Q có 03 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 14-03-2007; giới tính: nam, Nguyễn Huyền A1, sinh ngày 20-3-2014, giới tính: nữ và Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 10-10-2018; giới tính: nữ. Hiện nay cháu Nguyễn Đức A đang ở với bố còn cháu Nguyễn Huyền A1 và Nguyễn Ngọc Bảo H1 đang ở với chị H.

Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của cả cha và mẹ, mặc dù anh Nguyễn Đức Q không đến Tòa án trình bày quan điểm về việc nuôi con nhưng cháu Nguyễn Đức A có quan điểm muốn được ở với bố, cháu Nguyễn Huyền A1 có quan điểm muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp với

thực tế và nguyện vọng của con chung Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Đức A, sinh ngày 14-03-2007; giới tính: nam cho anh Nguyễn Đức Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Huyền A1, sinh ngày 20-3-2014, giới tính: nữ và Nguyễn Ngọc Bảo H1, sinh ngày 10-10-2018; giới tính: nữ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự thỏa thuận với anh Q nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức Q.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 14-03-2007; giới tính: nam, số CCCD: 036207016xxx; Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Nguyễn Huyền A1, sinh ngày 20-3-2014, giới tính: nữ và Nguyễn Ngọc Bảo H1, sinh ngày 10-10-2018; giới tính: nữ, số định danh cá nhân: 036318011xxx.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu H tự thỏa thuận với anh Nguyễn Đức Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức Q vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà

không ai được cản trở nhưng không được làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002499 ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

4. Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đức Q có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND phường Vị Xuyên;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền